

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Số: 16 /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày 14 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Ngân sách địa phương
giai đoạn 2016 - 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-TTg ngày 20/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-BKHDT ngày 20/4/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Xét Báo cáo số 666/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về xây dựng Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư công nguồn vốn Ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển Ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 là 3.281,7 tỷ đồng (bao gồm cả dự phòng theo quy định là 261,6 tỷ đồng), bao gồm: Nguồn vốn đầu tư từ Nguồn sử dụng đất; nguồn vốn đầu tư từ Nguồn xổ số kiến thiết; nguồn vốn cân đối Ngân sách địa phương và dự phòng; nguồn vốn bổ sung cho đầu tư phát triển từ Ngân sách địa phương.

Nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư cho lĩnh vực Y tế và Giáo dục năm 2018-2020 là 150 tỷ đồng (không tính trong tổng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020).

(Phụ lục số 1 kèm theo)

2. Nhiệm vụ đã bố trí đầu tư năm 2016-2017, kế hoạch đầu tư 2018-2020:



a) Nguồn vốn đầu tư từ Nguồn sử dụng đất cấp tỉnh giai đoạn 2016-2020 là 326 tỷ đồng, trong đó: bố trí thanh toán nợ và chuyển tiếp 170,8 tỷ đồng; khởi công mới giai đoạn 2018-2020 là 155,2 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư từ Nguồn xổ số kiến thiết giai đoạn 2016-2020 là 97 tỷ đồng, trong đó: bố trí thanh toán nợ và chuyển tiếp 9,9 tỷ đồng; khởi công mới 87,1 tỷ đồng. Kế hoạch giai đoạn 2018-2020 bố trí khởi công mới là 48,1 tỷ đồng.

c) Đối với các nguồn cân đối NSDP:

- Đầu tư cho Giáo dục đào tạo giai đoạn 2016-2020 là 430 tỷ đồng, trong đó: bố trí thanh toán nợ và chuyển tiếp 111 tỷ đồng; phân cấp cho cấp huyện 48 tỷ đồng; khởi công mới 271 tỷ đồng. Kế hoạch giai đoạn 2018-2020 bố trí khởi công mới là 150,2 tỷ đồng.

- Đầu tư cho Khoa học công nghệ giai đoạn 2016-2020 là 130 tỷ đồng, trong đó: bố trí thanh toán nợ và chuyển tiếp 30,7 tỷ đồng; khởi công mới 99,3 tỷ đồng. Kế hoạch 2018-2020 bố trí 12 tỷ đồng thực hiện chính sách của nhà nước đầu tư cho khoa học công nghệ, nông nghiệp công nghệ cao.

- Đầu tư cho các dự án khác giai đoạn 2016-2020 (sau khi đã phân cấp huyện; đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ; chuẩn bị đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp công ích) 649,35 tỷ đồng thực hiện đầu tư cho các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội. Trong đó: Bố trí thanh toán nợ và chuyển tiếp 285 tỷ đồng; Bố trí đối ứng cho các dự án ODA 188,8 tỷ đồng; Dự phòng Thực hiện các NQ được HĐND tỉnh ban hành, đối ứng các dự án PPP, thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư ngoài các lĩnh vực Y tế, giáo dục, KHCN 30 tỷ đồng; còn lại 145,55 tỷ đồng để thực hiện mở mới các dự án. Kế hoạch giai đoạn 2018-2020 bố trí khởi công mới 65,15 tỷ đồng.

Tổng số tiền khởi công mới giai đoạn 2018-2020 cho các dự án khác ngoài lĩnh vực giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế là 365,15 tỷ đồng (gồm: 65,15 tỷ đồng từ nguồn cân đối; phân bổ trước 100 tỷ đồng nguồn Trung ương dự phòng trong cân đối; bổ sung cho đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách địa phương 200 tỷ đồng).

Điều 2. Thông qua danh mục các dự án đầu tư nguồn Ngân sách địa phương giai đoạn 2018-2020 gồm các nhiệm vụ, chương trình, dự án khởi công mới và dự nguồn đối ứng các dự án ODA phát sinh (Phụ lục số 2 kèm theo).

Điều 3. Giao cho UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Đối với trường hợp có phát sinh điều chỉnh về tổng nguồn vốn, điều chỉnh phân bổ từng nguồn vốn theo mục tiêu và danh mục các dự án ODA phát sinh, UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh để quyết định, báo cáo HĐND

tính trong kỳ họp gần nhất hoặc trình chung nội dung trong Kế hoạch đầu tư công hàng năm.

Đối với trường hợp có phát sinh điều chỉnh về danh mục dự án; phân bổ nguồn vốn “Dự phòng”, “Thông báo sau” cho từng dự án Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi giao vốn.

Đối với số vốn phân cấp có mục tiêu cho cấp huyện, vốn thực hiện các chính sách của nhà nước, Nghị quyết của HĐND tỉnh: UBND tỉnh chủ động phân bổ theo quy định, đảm bảo thực hiện các mục tiêu của chính sách.

Các cơ quan đề xuất (*chủ đầu tư*), cơ quan thẩm định chủ trương đầu tư dự án chịu trách nhiệm về hiệu quả, sự cần thiết và triển khai đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi Nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy; Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, thị xã;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, LĐ và CV phòng TH, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lê Diễn

PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRUNG HẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 16 /NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NGUỒN VỐN	TỔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 2016-2020	KẾ HOẠCH 2016-2020	
			Kế hoạch Trung hạn đã giao đến năm 2017	Kế hoạch năm 2018-2020
1	2	3	4	5
A	TỔNG CỘNG VỐN ĐẦU TƯ	3.281.700	1.316.900	1.964.800
A1	Nguồn vốn đầu tư trong cân đối Ngân sách địa phương	3.032.200	1.267.400	1.764.800
	Phân bổ chi tiết 90%			
1	Đầu tư từ nguồn Sử dụng đất	869.000	280.300	588.700
1.1	Cấp huyện để lại	543.000	169.100	373.900
1.2	Nguồn thu Sử dụng đất cấp tỉnh	326.000	111.200	214.800
	Thực hiện dự án			
	Trong đó:			
	- Thanh toán nợ, chuyển tiếp trong giai đoạn	170.800	111.200	59.600
	- Khởi công mới	155.200		155.200
	Trong đó:			
	Trích lập phát triển Quỹ đất			46.560
	Trích lập đo đạc, bản đồ			15.520
2	Nguồn XSKT (trong đó ưu tiên đầu tư Y tế và giáo dục)	97.000	47.600	49.400
	Trong đó:			
	- Thanh toán nợ	7.900	7.100	800
	- Chuyển tiếp hoàn thành	2.000	1.500	500
	- Khởi công mới	87.100	39.000	48.100
3	Vốn đầu tư cân đối cho địa phương theo Quyết định 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (đã trừ dự phòng 10%)	1.804.600	939.500	865.100
3.1	Phân cấp cấp huyện	453.250	200.500	252.750
	Trong đó: Giáo dục đào tạo	32.000	32.000	
3.2	Trả nợ vay theo Khoản 3, Điều 8 LNS	114.500	114.500	

STT	NGUỒN VỐN	TỔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 2016-2020	KẾ HOẠCH 2016-2020	
			Kế hoạch Trung hạn đã giao đến năm 2017	Kế hoạch năm 2018-2020
3.4	Chuẩn bị đầu tư	25.000	10.000	15.000
3.5	Đầu tư cho Giáo dục đào tạo	430.000	221.800	208.200
	Trong đó:			
	- Thanh toán nợ trong giai đoạn	14.800	14.800	-
	- Chuyển tiếp hoàn thành	96.200	86.200	10.000
	- Phân cấp cho cấp huyện	48.000		48.000
	- Khởi công mới	271.000	120.800	150.200
3.6	Đầu tư cho Khoa học Công nghệ	130.000	108.500	21.500
	Trong đó:			
	- Thanh toán nợ	8.700	8.100	600
	- Chuyển tiếp hoàn thành	22.000	13.100	8.900
	- Khởi công mới	99.300	87.300	12.000
3.7	Đầu tư cho các dự án khác	649.350	283.200	366.150
	Trong đó:			
	- Thanh toán nợ	74.900	62.900	12.000
	- Chuyển tiếp hoàn thành	170.700	105.000	65.700
	- Các dự án Trung ương ngừng hỗ trợ	39.400		39.400
	- Đối ứng ODA	188.800	34.900	153.900
	Trong đó:			
	+ Thanh toán nợ, chuyển tiếp	68.400	26.000	42.400
	+ Đối ứng theo Hiệp định mới trong 2016-2017	76.300	8.900	67.400
	+ Dự nguồn đối ứng cho các dự án dự kiến ký hiệp định trong giai đoạn 2018-2020	44.100		44.100
	- Dự phòng Thực hiện các NQ được HĐND tỉnh ban hành; đối ứng các dự án PPP; Thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư ngoài các lĩnh vực Y tế, giáo dục, KHCN.	30.000		30.000
	- Khởi công mới	145.550	80.400	65.150
4	Dự phòng 10%	261.600		261.600
A2	Nguồn bổ sung đầu tư phát triển của Ngân sách địa phương	249.500	49.500	200.000
	Trong đó			

STT	NGUỒN VỐN	TỔNG NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 2016-2020	KẾ HOẠCH 2016-2020	
			Kế hoạch Trung hạn đã giao đến năm 2017	Kế hoạch năm 2018-2020
	Bổ sung đầu tư từ Ngân sách địa phương	149.500	49.500	100.000
	Bổ sung có mục tiêu	100.000		100.000
B	NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP MANG TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ	150.000		150.000
	<i>Trong đó:</i>			
	Nguồn vốn sự nghiệp đầu tư các dự án Giáo dục (sửa chữa, trang thiết bị)	75.000		75.000
	Nguồn vốn sự nghiệp đầu tư các dự án Y tế (sửa chữa, trang thiết bị)	75.000		75.000

* Ghi chú: Nguồn vốn còn lại để mở mới các dự án khác (sau khi thực hiện các nghĩa vụ ưu tiên, bắt buộc) giai đoạn 2018-2020 là 365.150 triệu đồng (bao gồm: 65.150 triệu đồng từ nguồn cân đối, 100.000 triệu đồng từ nguồn dự phòng, 200.000 triệu đồng từ nguồn bổ sung đầu tư phát triển)



PHỤ LỤC SỐ 02
CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI VÀ DỰ KIẾN ĐỐI ỨNG CHO CÁC DỰ ÁN ODA GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Nghị quyết số **16/NQ-HĐND** ngày **14/12/2017** của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nhu cầu vốn		Dự kiến trung hạn giai đoạn 2018-2020	Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành	Chuyển tiếp sau 2020
				TMDT	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ			1.095.788		716.570		
A	Nguồn thu Sử dụng đất					155.200		
	Trích lập 30% Quỹ phát triển quỹ đất					46.560		
1	GPMB phát triển quỹ đất tại xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức	Tuy Đức	Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh			4.800	2018-2020	
2	Đền bù GPMB tạo quỹ đất hai bên dự án Tuyến nhánh kết nối với đường tránh đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa thực hiện tiểu dự án GPMB			41.760	2019-2020	
	Trích lập 10% kinh phí đo đạc, bản đồ					15.520		
	Đầu tư các dự án hạ tầng cấp tỉnh					93.120		
3	Đề bù, GPMB Dự án kết nối các trục đường đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	Sở Xây dựng	83.000	83.000	30.000	2019-2020	
4	Đền bù, GPMB hạ tầng công viên Hồ Thiên Nga	Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	25.000	25.000	25.000	2019-2020	
5	Phần còn lại để giải phóng mặt bằng đô thị Gia Nghĩa	Gia Nghĩa				38.120	2019-2020	
B	Nguồn Xổ số kiến thiết					48.100		
1	Sửa chữa Bệnh viện đa khoa tỉnh phục vụ đề án Bệnh viện vệ tinh	Gia Nghĩa	Sở Y tế	5.000	5.000	4.500	2018-2020	
2	Kinh phí thực hiện chính sách xã hội hóa Y tế theo Nghị quyết 55/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	Toàn tỉnh	Nhà đầu tư	10.000	10.000	10.000	2019-2020	
	Phần còn lại để xem xét khởi công mới					23.000	33.600	
3	Nâng cấp 01 phòng mổ Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt chuẩn vô khuẩn cấp độ 10,000 (tuyệt trùng 100%)	Gia Nghĩa	Sở Y tế	7.000	7.000	7.000	2019-2020	
4	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống khí y tế, thang máy BVĐK tỉnh	Gia Nghĩa	Sở Y tế	5.000	5.000	4.400	2019-2020	
5	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 28 TYT (ngoài các TYT đã được đầu tư năm 2017)	Toàn tỉnh	Sở Y tế	5.600	5.600	5.000	2019-2020	
6	Dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh Đắk Nông (đổi ứng NSTW)	Gia Nghĩa	Sở Y tế	45.000	5.400	4.800	2019-2020	
7	Dự phòng					12.400		
C	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					575.350		
I	Giáo dục đào tạo					198.200		
1	Phân cấp cấp huyện để đầu tư cho giáo dục	Toàn tỉnh	Các huyện	48.000	48.000	48.000	2018-2020	

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nhu cầu vốn		Dự kiến trung hạn giai đoạn 2018-2020	Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành	Chuyển tiếp sau 2020
				TMDT	Trong đó: NSDP			
2	Kinh phí thực hiện chính sách xã hội hóa Giáo dục theo Nghị quyết 55/2016/HĐND của HĐND tỉnh	Toàn tỉnh	Các nhà đầu tư	10.000	10.000	10.000	2018-2020	
3	Đổi ứng đèn bù, GPMB dự án Trường Cao đẳng cộng đồng	Gia Nghĩa	BQL DD&CN tỉnh	185.908	75.908	75.900	2018-2020	
	Phần còn lại để khởi công mới các dự án đầu tư					64.300		
	Nhu cầu các dự án theo NQ 21 chưa đầu tư					30.600		
4	Nhà hiệu bộ, nhà đa năng, hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lương Thế Vinh, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Đắk Song	Sở Giáo dục và Đào tạo	13.000	13.000	11.700	2018-2020	
5	Trường PTTH Nguyễn Đình Chiểu (giai đoạn 2), xã Đắk Ru, huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	13.000	13.000	11.700	2018-2020	
6	Trường THPT Đắk Glong (giai đoạn 2)	Đắk Glong	Ban QLDA huyện Đắk Glong	8.000	8.000	7.200	2018-2020	
	Phần còn lại bố trí					33.700		
7	Ưu tiên Hỗ trợ có mục tiêu tiêu chí Giáo dục trong xây dựng NTM cho các huyện (phân cấp đầu tư cho NS huyện)	Toàn tỉnh	UBND các huyện			33.700		
II	Khoa học, công nghệ					12.000		
	Kinh phí thực hiện chính sách của nhà nước phát triển KHCN.	Toàn tỉnh				12.000		
III	Các dự án khác					365.150		129.200
	Các dự án đầu tư năm 2018				109.780	100.100		0
1	Đường giao thông kết nối khu vực xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông với huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	Cư Jút	Ban Quản lý các Dự án huyện Cư Jút.	20.000	16.000	14.400	2018-2020	
2	Đường dẫn và Cầu kết nối giữa Sân vận động tỉnh và Đường Bắc Nam giai đoạn 2, thị xã Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình thị xã Gia Nghĩa	20.000	13.500	12.000	2018-2020	
3	Sửa chữa Trung tâm Hội nghị và sân đường bộ	Gia Nghĩa	Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông.	2.600	2.600	2.300	2018-2020	
4	Hỗ trợ mục tiêu cho thị xã Gia Nghĩa thực hiện dự án Hoa viên cây xanh khu vực cầu vượt Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông (QL 14 đoạn qua TX.Thị xã)	Gia Nghĩa	UBND thị xã Gia Nghĩa	2.000	2.000	2.000	2018-2020	
5	Xây dựng cổng, tường rào Liên đoàn lao động tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Liên đoàn Lao động tỉnh Đắk Nông	1.700	500	500	2018-2020	
6	Hồ Bơi trong khuôn viên Nhà Văn hóa Lao động tỉnh Đắk Nông.	Gia Nghĩa	Liên đoàn Lao động tỉnh Đắk Nông	10.500	5.250	4.700	2018-2020	
7	Nhà làm việc Báo Đắk Nông điện tử	Gia Nghĩa	Báo Đắk Nông	4.000	4.000	3.600	2018-2020	
8	Trụ sở làm việc Đội quản lý thị trường huyện Đắk R'lấp	Đắk R'lấp	Sở Công thương tỉnh Đắk Nông.	4.000	4.000	3.600	2018-2020	
9	Trụ sở làm việc Hạt Kiểm lâm huyện Tuy Đức	Tuy Đức	Ban Quản lý các Dự án huyện Tuy Đức	4.200	4.200	3.800	2018-2020	
10	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đắk	Đắk Mil	Ban Quản lý dự án xây	10.000	5.000	5.000	2018-2020	

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nhu cầu vốn		Dự kiến trung hạn giai đoạn 2018-2020	Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành	Chuyển tiếp sau 2020
				TMDT	Trong đó: NSDP			
11	Trụ sở làm việc HĐND - UBND xã Đắk R'măng	Đắk Glong	Ban Quản lý dự án huyện Đắk Glong.	10.000	6.000	6.000	2018-2020	
12	Đường cơ động từ trung tâm huyện Tuy Đức đến Đại đội bộ binh 3, huyện Tuy Đức	Tuy Đức	Ban Quản lý các Dự án huyện Tuy Đức	13.000	12.000	11.500	2018-2020	
13	Trạm tiếp nhận vật chất Hậu cần - Kỹ thuật tỉnh Đắk Nông, hạng mục: Trạm cấp phát xăng dầu	Tuy Đức	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2.800	2.800	2.300	2018-2020	
14	Đường giao thông liên xã Thuận Hà - Đắk N'Drung, huyện Đắk Song.	Đắk Song	Ban Quản lý các dự án Đắk Song.	8.500	7.500	7.000	2018-2020	
15	Đường vào thôn 1 (Cồn Dầu) xã Ea Pô, huyện Cư Jút	Cư Jút	Ban Quản lý các Dự án huyện Cư Jút.	12.000	12.000	10.000	2018-2020	
16	Trụ sở tiếp Công dân tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Văn phòng UBND tỉnh	6.683	6.683	6.000	2018-2020	
17	Sửa chữa, cải tạo các hạng mục công trình cơ quan Ban Chỉ huy quân sự huyện Tuy Đức	Tuy Đức	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tuy Đức	3.000	3.000	2.700	2018-2020	
19	Sửa chữa một số hạng mục của Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Đắk Nông (cơ sở Đắk Mil)	Đắk Mil	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông.	1.200	1.200	1.200	2018-2020	
20	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực trên địa bàn xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức	Tuy Đức	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	3.050	1.800	1.500	2018-2020	
	Các dự án đã quyết định, xác định nguồn đầu tư				140.000	110.000		30.000
1	Dự án Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	BQL DD&CN tỉnh	100.000	100.000	70.000	2018-2022	30.000
2	Nâng cấp, sửa chữa Tỉnh lộ 1	Đắk R'lấp - Tuy Đức	Sở Giao thông vận tải	50.000	20.000	20.000	2018-2020	
3	Hỗ trợ phát triển đô thị Đắk Mil	Đắk Mil		5.000	5.000	5.000	2019-2020	
4	Hỗ trợ phát triển đô thị Đắk R'lấp	Đắk R'lấp		5.000	5.000	5.000	2019-2020	
5	Hỗ trợ phát triển đô thị Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		10.000	10.000	10.000	2019-2020	
	Phần còn lại để tiếp tục khởi công mới đáp ứng nhu cầu phát triển				256.500	155.050		
	Trong đó:							
	Các dự án trọng điểm của các ngành, lĩnh vực				50.000	15.000		0
1	Công viên địa chất toàn cầu Krông Nô (UNESCO)	Krông Nô			50.000	0		
2	Tương đài Nơ Trang Lơng	Gia Nghĩa		67.700		15.000	2019-2020	
	Các dự án theo Kết luận của TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh và UBND tỉnh thuộc nhiệm vụ cấp tỉnh, chưa cân đối nguồn đầu tư				26.500	11.000		15.000
3	Trung tâm đào tạo cán bộ và nhà khách Công đoàn tỉnh	Gia Nghĩa	Liên đoàn lao động	70.000	21.000	6.000	2019-2023	15.000
4	Hỗ trợ có mục tiêu cho Ngân sách cấp huyện: Sửa chữa, nâng cấp trạm cấp nước xã Đức Xuyên (khu vực nhiễm Asen)	Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	2.000	2.000	2.000	2018	

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nhu cầu vốn		Dự kiến trung hạn giai đoạn 2018-2020	Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành	Chuyển tiếp sau 2020
				TMDT	Trong đó: NSDP			
5	Cột ăng ten của đài PTTH huyện Đắk Mil. Hạng mục: móng, cột ăng ten, cầu cáp, đèn báo không và hệ thống tiếp địa	Đắk Mil	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	3.500	3.500	3.000	2019-2021	
	Các dự án khác theo nhu cầu của cấp huyện thuộc nhiệm vụ đầu tư cấp tỉnh					129.050		84.200
	1. Lĩnh vực giao thông (theo thứ tự ưu tiên)					137.000	69.000	68.000
	Các địa phương chưa được đầu tư dự án giao thông giai đoạn 2016-2018 Ngân sách tỉnh					93.000	55.800	37.200
1	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho hộ gia đình bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	Krông Nô	UBND huyện Krông Nô	20.000	20.000	12.000	2019-2021	8.000
2	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk R'Măng - Quảng Hòa	Đắk Glong	UBND huyện Đắk Glong	28.000	28.000	16.800	2019-2021	11.200
3	Đường giao thông từ tỉnh lộ 2 qua trung tâm ủy ban nhân dân xã Đắk Sắk nối tỉnh lộ 3, xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil	Đắk Mil	UBND huyện Đắk Mil	15.000	15.000	9.000	2019-2021	6.000
4	Đường giao thông liên xã Đắk Sin - Hưng Bình, huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	15.000	15.000	9.000	2019-2021	6.000
5	Đường từ QL 14C nối trung tâm hành chính huyện Tuy Đức (DDX)	Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	15.000	15.000	9.000	2019-2021	6.000
	Đầu tư hoàn thiện các dự án giao thông theo đề nghị của các địa phương thuộc nhiệm vụ NSDP cấp tỉnh					13.200		30.800
6	Đường giao thông liên xã Đắk Sin - Đắk Ru	Đắk R'Lấp	UBND huyện Đắk R'lấp	15.000	15.000	4.500	2020-2022	10.500
7	Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	Đắk Song	UBND huyện Đắk Song	18.000	15.000	4.500	2020-2022	10.500
8	Đường giao thông liên xã Quảng Tâm - Đắk Buk So	Tuy Đức	UBND huyện Tuy Đức	14.000	14.000	4.200	2020-2022	9.800
	2. Lĩnh vực trụ sở, dân dụng					43.000	58.800	16.200
1	Sửa chữa, xây dựng khu nhà làm việc và nhà truyền thống - thư viện Công an tỉnh	Gia Nghĩa	Công an tỉnh	8.000	8.000	4.800	2019-2021	3.200
2	Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	Sở Nội Vụ	20.000	20.000	12.000	2019-2021	8.000
3	Xây dựng thao trường huấn luyện, diễn tập theo tiêu chí 3 trong 1 của Bộ Quốc phòng tại căn cứ chiến đấu của huyện Tuy Đức	Tuy Đức	BCH quân sự huyện Tuy Đức	15.000	15.000	10.000	2019-2021	5.000
	Phân cấp có mục tiêu cho các địa phương chưa được đầu tư trụ sở xã trong giai đoạn 2016-2020 bằng nguồn NSDP							
4	Huyện Cư Jút		UBND huyện Cư Jút			5.000	2019-2020	
5	Huyện Đắk Song		UBND huyện Đắk Song			5.000	2019-2020	
6	Huyện Đắk R'lấp		UBND huyện Đắk R'lấp			5.000	2019-2020	

STT	Nguồn vốn - Danh mục công trình	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nhu cầu vốn		Dự kiến trung hạn giai đoạn 2018-2020	Thời gian dự kiến khởi công - hoàn thành	Chuyển tiếp sau 2020
				TMDT	Trong đó: NSDP			
7	Huyện Tuy Đức		UBND huyện Tuy Đức			6.000	2019-2020	
8	Thị xã Gia Nghĩa		UBND thị xã Gia Nghĩa			5.000	2019-2020	
9	Huyện Krông Nô		UBND huyện Krông Nô			6.000	2019-2020	
D	Nguồn vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư					150.000		
I	Phần vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư cho Y tế				75.000	75.000		
1	Mua sắm 10 máy chạy thận nhân tạo cho BVĐK tỉnh		Sở Y tế	6.500	6.500	6.500	2018-2020	
2	Mua sắm hệ thống phẫu thuật nội soi phục vụ chương trình hợp tác		Sở Y tế	7.500	7.500	7.500	2018-2020	
3	Mua sắm máy phẫu thuật Phaco		Sở Y tế	2.500	2.500	2.500	2018-2020	
4	Đầu tư bổ sung hệ thống Camera theo dõi và giám sát bệnh nhân cho BVĐK tuyến huyện		Sở Y tế	5.500	5.500	5.500	2018-2020	
5	Đầu tư Phần mềm quản lý bệnh viện và thiết bị tin học BVĐK tỉnh và BVĐK huyện Đắk Song		Sở Y tế	4.000	4.000	4.000	2018-2020	
6	Bệnh án điện tử cho BVĐK tỉnh và BVĐK huyện Đắk R'lấp		Sở Y tế	5.000	5.000	5.000	2018-2020	
7	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thu gom chất thải nguy hại cho các BVĐK tuyến huyện (05 BV)		Sở Y tế	5.400	5.400	5.400	2018-2020	
8	Mua sắm trang thiết bị y tế cho BVĐK tuyến huyện		Sở Y tế	38.600	38.600	38.600	2018-2020	
II	Phần vốn sự nghiệp mang tính chất đầu tư cho Giáo dục				75.000	75.000		Thông báo sau
	Trong đó: Hỗ trợ Kế hoạch Xây dựng hồ bơi cho học sinh tiểu học trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020, định hướng đến năm 2025	Toàn tỉnh		10.000	10.000	10.000	2018-2020	
E	Dự nguồn cho các dự án ODA dự kiến ký Hiệp định vay trong giai đoạn 2018-2020					44.081		Thông báo sau

KINH NÔNG

[Handwritten signature]